TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**
Bản án số: 23/2017/HNGĐ-PT Ngày 05/7/2017	
V/v *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình".*	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Xuân Lộc

Các Thẩm phán: Ông Thân Quốc Hùng

Bà Phạm Thị Minh Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2017/TLPT- HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2017 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 12/2017/DSST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2017 của Toà án nhân huyện L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 17/2017/QĐ-PT ngày 15 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vi Thị Q - Sinh năm 1997 (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu L - Sinh năm 1992 (có mặt)

Các đương sự đều địa chỉ: Thôn L, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

3. Người kháng cáo: Bị đơn anh Nguyễn Hữu L**.**

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu khác có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 11/7/2016 và những lời khai tiếp theo của nguyên đơn Chị Vi Thị Q trình bày:

Chị kết hôn với Nguyễn Hữu L trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có được đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang vào ngày 08/12/2014, sau ngày cưới chị có về gia đình anh L làm dâu ngay, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì, nhưng không được bao lâu vợ chồng chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, có nhiều bất đồng quan điểm, không bảo ban được nhau trong làm ăn phát triển kinh tế dẫn đến hay to tiếng, anh L xúc phạm gia đình chị. Từ đó tình cảm vợ chồng có nhiều rạn nứt, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt không cải thiện được, anh chị đã ly thân với nhau khoảng hơn một năm nay không ai quan tâm gì đến nhau được nữa, quan hệ tình cảm vợ chồng cũng chấm dứt từ đó. Nay chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài, chị không thể đoàn tụ gia đình với anh Nguyễn Hữu L được nữa, nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hữu L.

Về con chung: Có 01 cháu là Nguyễn Công M, sinh ngày 25/7/2014. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu M, chị không yêu cầu anh L đóng góp cấp dưỡng nuôi con, không đề nghị Toà án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác: Anh chị không có gì, chị không đề nghị Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Hữu L trình bày:

Về thời gian đăng kí kết hôn và quá trình chung sống như chị Q trình bày là đúng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì, nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng anh đã sống ly thân được hơn một năm nay không còn quan hệ tình cảm với nhau nữa, anh cũng gọi chị Q về đoàn tụ gia đình nhưng chị Q không về. Nay anh nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng anh đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, Chị Vi Thị Q xin ly hôn anh hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Công M, sinh ngày 25/7/2014. Sau khi ly hôn anh có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu M, anh không yêu cầu chị Q góp cấp dưỡng nuôi con, không đề nghị Toà án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác: Anh chị không có gì, anh không đề nghị Toà án giải quyết.

Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 12/2017/HNGĐ - ST ngày: 07/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện L đã quyết định:

Áp dụng Điều 9; 51; 53; 56; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 28; 35; 147; 227; 271; 272; 273 và Điều 280 BLTTDS. Điều 5 và 27 pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị Q được ly hôn anh Nguyễn Hữu L.

Về con chung: Giao cho Chị Vi Thị Q nuôi con chung là Nguyễn Công M, sinh ngày 25/7/2014, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con, vì chị Q không yêu cầu. Sau khi ly hôn anh L có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này.

Về án phí: Chị Vi Thị Q phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số AA/2015/0000694 ngày 28/11/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 21/4/2017 anh Nguyễn Hữu L làm đơn kháng cáo, cùng ngày nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Nội dung kháng cáo không đồng ý một phần bản án sơ thẩm về phần giải quyết nuôi con chung. Lý do kháng cáo: Việc Tòa án nhân dân huyện L xử giao cho Chị Vi Thị Q nuôi con chung là Nguyễn Công M – sinh ngày 25/7/2014 là không hợp lý. Vì chị Q không đảm bảo các điều kiện về tài chính, kinh tế, thời gian và tư cách của người mẹ.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn Chị Vi Thị Q không rút đơn khởi kiện, bị đơn anh Nguyễn Hữu L không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Anh Nguyễn Hữu L trình bày: Anh không đồng ý để chị Q nuôi con chung vì chị Q không đủ tư cách, hiện nay anh đang nuôi cháu Minh.

Chị Vy Thị Q trình bày: Chị không đồng ý với kháng cáo của anh L. Hiện chị đang đi làm công nhân ở khu công nghiệp Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh thu nhập khoảng 8.000.000đ/1 tháng và bán hàng qua mạng, đảm bảo điều kiện nuôi con chung

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, để không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Hữu L, giữ nguyên bản án sơ thẩm về con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của anh Nguyễn Hữu L về việc anh xin được nuôi cháu M, Hội đồng xét xử thấy: Chị Vi Thị Q và anh Nguyễn Hữu L có 01 con chung là cháu Nguyễn Công M, sinh ngày 25/7/2014. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử giao cho Chị Vi Thị Q trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Công M, sinh ngày 25/7/2014, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con

chung. Xét thấy cháu Nguyễn Công M, sinh ngày 25/7/2014, đến nay cháu chưa đủ 03 tuổi, theo quy định của tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình thì: "Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con". Chị Q hiện đang đi làm công nhân tại khu công nghiệp Quế Võ, có thu nhập ổn định, có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã giao cháu M cho chị Q nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi của trẻ em, phù hợp với Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm anh Nguyễn Hữu L cũng không có các căn cứ, tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc Chị Vi Thị Q không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Công M. Anh L và chị Q cũng không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết nuôi con để đảm bảo lợi ích của con chung được tốt nhất. Do vậy,căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Hữu L và giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần giải quyết con chung theo đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Nếu sau này chị Q là người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh L có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo của anh L, giữ nguyên bản án sơ thẩm, nên anh Nguyễn Hữu L phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 28 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Hữu L. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về con chung

Áp dụng các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 28 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

- Về con chung: Giao cho Chị Vi Thị Q trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Công M, sinh ngày 25/7/2014, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con, vì chị Q

không yêu cầu. Anh Nguyễn Hữu L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này.

- Về án phí phúc thẩm: Buộc anh Nguyễn Hữu L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, theo biên lai số AA/2015/0000879 ngày 21/4/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Xác nhận anh L đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN	**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Đã ký	**Đã ký**
Thân Quốc Hùng	**Phạm Thị Minh Hiền**
	Lương Xuân Lộc

H

ướng dẫn sử dụng mẫu số 75:

(1) và (5) Ghi tên Toà án xét xử phúc thẩm. Nếu là Tòa án nhân dân cấp tỉnh, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ); nếu là Toà án nhân dân cấp cao, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân cấp cao tại thành phố nào (ví dụ: Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng).

(2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án (ví dụ: Nếu là bản án giải quyết tranh chấp về kinh doanh thương mại năm 2017 có số 10 thì ghi: Số 10/2017/KDTM-PT).

(3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử phúc thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử phúc thẩm trong nhiều ngày.

(4) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: "tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân").

(6) Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán.

(7) Ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(8) Nếu có Viện Kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ "Tòa án nhân dân" thành "Viện kiểm sát nhân dân".

(9) Trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ "Trong các" (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi "Trong các ngày" (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau

thì ghi: "Từ ngày đến ngày" (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(10) Nếu xét xử kín thì thay cụm từ "công khai" bằng từ "kín".

(11) Nguyên đơn là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên). Trường hợp nguyên đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(12) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với nguyên đơn; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: "được uỷ quyền theo văn bản ủy quyền ngày... tháng... năm...". Trường hợp người đại diện theo pháp luật của cơ quan, tổ chức, thì ghi họ tên, chức vụ của người đó.

(13) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều nguyên đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nào.

(14) và (17) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (11).

(15) và (18) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (12).

(16) và (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).

(20) Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).

(21) Ghi họ tên, chức danh, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(22) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(23) Ghi họ tên và tư cách tham gia tố tụng của người kháng cáo.

(24) Ghi người có thẩm quyền kháng nghị (ví dụ: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam).

(25) Trong phần này ghi tóm tắt nội dung vụ án, quyết định của Toà án cấp sơ thẩm; nội dung kháng cáo, kháng nghị.

(26) Trong phần này, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá nhận định về kháng cáo, kháng nghị, các tình tiết của vụ án, việc giải quyết, xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm, những căn cứ pháp luật, án lệ (nếu có) mà Tòa án viện dẫn, áp dụng; nếu vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tùy từng trường hợp mà Tòa án phân tích, lập luận về việc áp dụng tập quán, tương tự pháp luật, nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lẽ công bằng để chấp nhận hoặc không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị và giải quyết các vấn đề khác có liên quan.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [ ].

(27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(28) Ghi các quyết định của Hội đồng xét xử phúc thẩm về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí sơ thẩm, phúc thẩm, chi phí tố tụng (nếu có). Trường hợp xét xử lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì Tòa án phải giải quyết vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy và ghi rõ trong bản án. Ghi rõ bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau:

Nơi nhận:
- Ghi theo quy định tại Điều 315 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)